

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Ngôn ngữ Nga trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nga trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 17 ngày 15/02/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nga trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nga trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đúng quy định hiện hành.

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đã rà soát, thẩm định kết quả đánh giá và nhất trí điều chỉnh mức đánh giá Tiêu chí 9.4 từ mức 3 thành mức 4.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nga trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 43 tiêu chí (chiếm 86%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nga trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nga trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÔN NGỮ NGA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		3,80	4	80
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	3			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		3,80	5	80
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	3			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,86	43	86

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÔN NGỮ NGA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Ngôn ngữ Nga (NNN) trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. CTĐT có mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. chuẩn đầu ra CTĐT phản ánh được mục tiêu đào tạo của CTĐT, có tham khảo ý kiến của nhiều bên liên quan, được phê duyệt và được công bố theo đúng quy định.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung theo quy định và được cập nhật qua các lần rà soát, điều chỉnh. Tất cả đề cương chi tiết học phần trong CTĐT đều có đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau, cả trên trang thông tin điện tử của Trường nên các bên liên quan có điều kiện tương đối dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, đảm bảo có nội dung các học phần tương thích, có tổ hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp; có cấu trúc logic với các học phần trong chương trình dạy học gắn kết, liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Chương trình dạy học linh hoạt và có tính tích hợp.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức, được công bố công khai, được phổ biến đến các bên liên quan, được cụ thể hóa trong CTĐT. Các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp, hướng tới chuẩn đầu ra. Tất cả đề cương chi tiết học phần đều mô tả việc sử dụng các phương pháp dạy/học phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm và nhấn mạnh đến hoạt động tự học của người học. Giảng viên sử dụng các hoạt động dạy học phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Quy định, hướng dẫn về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đầy đủ, rõ ràng, bao gồm các nội dung về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và khiếu nại kết quả học tập. Các phương thức đánh giá được thực hiện đa dạng, hướng tới chuẩn đầu ra. Các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố công khai, phổ biến kịp thời tới giảng viên và người học.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch và phát triển dựa trên nhu cầu và đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Hoạt động đào tạo bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch. Việc được quản trị kết quả công việc được triển khai thực hiện dựa trên các văn bản quy định, đánh giá, phân loại và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm. Quy định về các loại hình và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học mà giảng viên, nghiên cứu viên phải thực hiện được quy định rõ ràng, thuận lợi cho đánh giá, giám sát.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch theo chiến lược phát triển, quy hoạch nhân lực của đội ngũ nhân viên trong từng giai đoạn. Đội ngũ nhân viên Nhà trường khá ổn định, được phân công hợp lý theo Đề án Vị trí việc làm, đảm bảo về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định với các tiêu chí rõ ràng, được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa. Quy trình, công cụ, tiêu chí và các biểu mẫu về đánh giá, xếp loại năng lực đội ngũ nhân viên được quy định đầy đủ; được lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, được phân tích, đánh giá. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên được triển khai thực hiện góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên được xác định cụ thể, được đánh giá hiệu quả làm việc, được công nhận và khen thưởng theo kết quả công việc.

8. Chính sách và các quy định về tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được rà soát, đánh giá lấy ý kiến các bên liên quan, được cập nhật hàng năm. Việc theo dõi và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được triển khai trong suốt quá trình học tập. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát kịp thời. Việc tra cứu lịch học, lịch thi, kết quả học tập, đăng ký học, đăng ký thi, đăng ký thi cải thiện/trả nợ của sinh viên đều thực hiện đều thực hiện trên trang web đào tạo tín chỉ của Trường, tạo sự thuận lợi và đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học được triển khai thực hiện, được đánh giá theo các năm trong giai. Môi trường tâm lý xã hội, cảnh quan của trường (xanh hoá, đa dạng và chú trọng) tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho cá nhân người học, được sinh viên đánh giá cao.

9. Hệ thống phòng học và chức năng và trang thiết bị phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác; tỉ lệ diện tích sàn xây dựng đáp ứng quy định hiện hành. Thư viện có đủ phòng đọc, có phần mềm; các nội quy, quy định, quy trình quản lý, sử dụng, thu nhận tài liệu; kết nối được với thư viện nhiều trường đại học trong cả nước. Phần mềm và cơ sở dữ liệu thống kê số lượt bạn đọc ra, vào, số lượt mượn, lượt truy cập tài liệu, đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học. Hệ thống phòng thực hành/studio với các trang

thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu, phù hợp; có quy trình quản lý, nhật ký sử dụng và thanh lý tài sản, máy móc thiết bị; có người phụ trách các phòng được tập huấn, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng cho đào tạo trực tuyến, các phần mềm hỗ trợ cơ bản đáp ứng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và có đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức vận hành ổn định, an toàn hệ thống công nghệ thông tin. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được quy định cụ thể; phân công chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng quản lý, triển khai, thực hiện hàng năm.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập với các đơn vị liên quan đến hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT, chương trình dạy học; có các quy định và công cụ để thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học. Quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học được thực hiện theo các quy định của Trường để đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra và được người học đánh giá thông qua đánh giá học phần của sinh viên. Giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, có kết quả được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, có sự kết nối thông qua hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống phản hồi được rà soát, cải tiến.

11. Nhà trường và Khoa đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: Tỷ lệ thời học, tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của sinh viên; mức độ hài lòng của các bên liên quan. Xác định được tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng 4 năm trung bình của ngành đạt khá là 66,67%; có 66,67% sinh viên tốt nghiệp hoàn thành khóa học nhận bằng tốt nghiệp đại học so với sinh viên năm cuối; thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,12 năm. 01 đề tài nghiên cứu khoa học, 01 bài báo; kinh phí chi cho hoạt động khoa học công nghệ của sinh viên trong 5 năm là 9 triệu đồng. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện với các nội dung và hình thức khác nhau theo quy trình thống nhất đã ban hành. Một phần lớn kết quả được áp dụng để cải tiến chất lượng CTĐT ngành NNN ngày một tốt hơn.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Làm rõ hơn mục tiêu CTĐT ngành NNN phù hợp với nội dung đề cập trong Tầm nhìn "...phát triển chủ yếu theo định hướng nghiên cứu về lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa"; rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra đảm bảo rõ ràng cả về nội hàm và hình thức, thể hiện rõ mức năng lực cần đạt được; chỉnh sửa các nội dung trùng lặp của các PI trong chuẩn đầu ra.

2. Bổ sung ma trận liên kết các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT vào Bản mô tả CTĐT; khảo sát mức độ thuận lợi của các bên liên quan trong việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và bộ đề cương các học phần để cải tiến cách thức công khai; có những giải pháp hữu hiệu để kết nối được đông đảo các cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp nhiều ý kiến thiết thực để cải tiến bản mô tả CTĐT.

3. Rà soát, chỉnh sửa để đảm bảo tất cả các học phần có tổ hợp các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra; cân nhắc thay đổi tỷ trọng giữa các môn học về lý thuyết và thực hành theo hướng tăng cường kỹ năng cho người học; đối sánh sâu về nội dung của học phần thuộc kiến thức ngành, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Tiếng Nga Du lịch để lý giải thêm về cơ sở lựa chọn và bố trí các học phần; nên có tiêu chí cho lựa chọn CTĐT và cơ sở giáo dục để tham khảo.

4. Phân tích, so sánh mối quan hệ giữa áp dụng các phương pháp giảng dạy và kết quả học tập của sinh viên để có cơ sở đánh giá, cải tiến các hoạt động giảng dạy và học tập; xác định điều kiện cần thiết để nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên, từ đó xây dựng hệ thống các hoạt động hình thành, rèn luyện và phát triển các kỹ năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

5. Nghiên cứu các biện pháp để đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy của các công cụ kiểm tra đánh giá, nhất là đánh giá cuối học phần và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm; xây dựng ma trận kiểm tra đánh giá đạt chuẩn đầu ra để tổng kết, đánh giá hiệu quả các phương pháp đánh giá hiện có để xác định mức độ đạt được chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT; cải tiến hệ thống các phần mềm quản lý hiện có để phổ biến và công bố công khai các tài liệu/hướng dẫn quy định; tích hợp thủ tục khiếu nại của người học.

6. Xây dựng đề án phát triển nguồn lực giảng viên trong đó có dự báo, định biên, kế hoạch thực hiện phù hợp với chỉ số trong chiến lược phát triển của Trường đáp ứng chỉ tiêu tiến sĩ, giáo sư/phó giáo sư theo chiến lược phát triển nhà trường; rà soát, bổ sung chính sách thu hút để tuyển dụng đội ngũ giảng viên, đặc biệt đảm bảo duy trì ngành và phù hợp với quy mô tuyển sinh; tăng cường đội ngũ giảng viên trình độ thạc sĩ học tiếp nghiên cứu sinh, tăng số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ đủ điều kiện bổ nhiệm phó giáo sư; ban hành quy định về tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ (KPIs) để tạo động lực cho giảng viên; phát triển phần mềm quản lý và giám sát kết quả thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo

bồi dưỡng, chú trọng các nội dung nâng cao năng lực giảng viên; xây dựng các hướng nghiên cứu, lựa chọn các đối tác, hợp tác để thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; tạo động lực cho giảng viên viết bài đăng trên các tạp chí có uy tín cũng như tạp chí quốc tế.

7. Tăng cường số lượng và chất lượng các khảo sát về nhu cầu, mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên và sử dụng kết quả khảo sát để phân tích dự báo, quy hoạch; bổ sung chính sách thu hút đủ hấp dẫn trong tuyển dụng và đãi ngộ, truyền thông rộng rãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng bộ tiêu chí định lượng, dễ đo lường để đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách đầy đủ và chính xác, công bằng, đúng quy trình; tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho đối tượng nhân viên phù hợp với vị trí việc làm và cần phân tích, đánh giá hiệu quả về đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện, nâng nghiệp vụ cao hiệu quả cũng như chất lượng đội ngũ nhân viên; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị; xây dựng biểu mẫu kế hoạch cá nhân cho nhân viên và có các khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng của nhân viên đối với công tác quản lý, đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm dựa trên kết quả công việc.

8. Phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực làm cơ sở xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm để nâng cao số lượng, chất lượng thí sinh, thu hút sinh viên vào Trường; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học; tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tư vấn tuyển sinh; đối sánh công tác tuyển sinh với trường tương đương nhằm đưa ra được các tiêu chí lựa chọn người học sát với chỉ tiêu của ngành và điều kiện giảng dạy thực tế của Trường; rà soát, ban hành mới các quy định về công tác cố vấn học tập, quy định chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ sinh viên, và một số quy định về sự hỗ trợ giám sát sinh viên; đánh giá hoạt động giám sát của các đơn vị được phân công theo dõi, hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên trong các hoạt động học tập, rèn luyện; rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và hỗ trợ việc làm, chú trọng các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tạo dựng môi trường/không khí học thuật trong sinh viên; tổ chức tọa đàm giữa các chuyên gia, các cựu sinh viên với sinh viên năm cuối để chuẩn bị kiến thức cần thiết cho sinh viên trước khi ra trường, tăng cường giao lưu giữa sinh viên với doanh nghiệp, theo dõi, đánh giá tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp; xây dựng quy tắc ứng xử ngắn gọn, dễ nhớ, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và thực hiện; thường xuyên kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm nhất là việc vệ sinh chất lượng ăn uống, nước sinh hoạt; định kỳ kiểm nghiệm nước uống sinh hoạt của sinh viên; thành lập văn phòng tư vấn tâm lý thực hiện chức năng tư vấn, hỗ trợ sinh viên.

9. Xây dựng phương án thiết kế để đáp ứng diện tích phòng làm việc của giảng viên, lãnh đạo khoa theo quy định; có chính sách thúc đẩy, khuyến khích phát triển tài liệu nội sinh; biên soạn và ghi rõ giáo trình, tài liệu dành cho đối tượng đào tạo trình độ đại học ngành NNN hoặc mua từ các nhà xuất bản của các tác giả ngoài Trường; tổ chức thẩm định nội dung phê duyệt giáo trình, tài liệu phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT/học phần cho ngành NNN trình độ đại học

của Trường; rà soát toàn bộ hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết để bổ sung, có kế hoạch mua mới và đảm bảo quy định về bản quyền; khai thác hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị và các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; khai thác tối đa và đẩy mạnh nền tảng số để đáp ứng các yêu cầu các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong chu kỳ đánh giá; đa dạng hóa các bên liên quan trong việc khảo sát hài lòng về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học của hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị các phòng thực hành tiếng, hệ thống công nghệ thông tin, về môi trường, sức khỏe và an toàn cần, phân định rõ theo từng CTĐT, nội dung khảo sát bám sát các yêu cầu mốc chuẩn và văn bản hiện hành.

10. Chú trọng khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực NNN và yêu cầu về năng lực tại các vị trí việc làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT, chương trình dạy học; rà soát, đánh giá, cập nhật, cải tiến quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, chương trình dạy học; đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT, chương trình dạy học phù hợp với quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021; rà soát, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học đảm bảo độ tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra; tách kết quả đánh giá cho từng CTĐT; phân tích, đối sánh kết quả đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học; khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn sâu với lĩnh vực phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của CTĐT ngành NNN; đánh giá đầy đủ, đồng bộ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; thống nhất các tiêu chí đánh giá; tách riêng kết quả khảo sát cho từng CTĐT làm cơ sở cải tiến chất lượng cấp CTĐT; rà soát, đánh giá thường xuyên và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan, tăng cường sự kết nối và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, nhất là các bên liên quan bên ngoài Trường.

11. Có các giải pháp phù hợp để giảm tỷ lệ thôi học; cải tiến chất lượng đào tạo rút ngắn thời gian đào tạo bằng cách có sinh viên tốt nghiệp trước hạn; chú trọng phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong sinh viên; khuyến khích sinh viên đăng kết quả trên báo khoa học; thực hiện đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung các tiêu chí của tiêu chuẩn 11; áp dụng quản trị theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện tốt chuẩn đầu ra của CTĐT ngành NNN.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nga, trình

độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành.